

Chờ đợi qua tháng Ngâu

- Tháng 8/2024 (từ 1 – 20/8), tổng giá trị TPDN phát hành thành công giảm 17% so với tháng trước và giảm 8% svck.
- Chúng tôi dự báo hoạt động phát hành sẽ sôi nổi hơn khi bước sang quý 4 khi nhu cầu vốn của DN chuyển biến tích cực theo đà phục hồi của nền kinh tế.
- Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã phát hành được tổng cộng 219,327 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 55% kế hoạch năm 2024 và quý 3 hoàn thành 42%.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục chậm lại trong tháng 8

Từ ngày 1 đến ngày 20/8, tổng giá trị TPDN phát hành thành công ước đạt hơn 32 nghìn tỷ đồng, giảm 8% svck, đa số là từ các Ngân hàng chiếm hơn 90%. Các đợt phát hành đáng chú ý có: Agribank đã phát hành thành công 10.000 tỷ đồng, kỳ hạn 120 tháng, lãi suất 6.7%, OCB (5.000 tỷ đồng, kỳ hạn 24-36 tháng, lãi suất 5.6%), MBBank (4.000 tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5.5%).

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt hơn 220.8 nghìn tỷ đồng, tăng 50.4% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 8 tháng đầu năm ước khoảng 7%, thấp hơn so với mức trung bình 8.3% của năm 2023. Chúng tôi dự báo hoạt động phát hành TPDN sẽ sôi nổi hơn khi bước sang quý 4 khi nhu cầu vốn của DN phục hồi trong bối cảnh thị trường BĐS bắt đầu ấm dần cũng như nhu cầu mở rộng sản xuất kinh đang tích cực theo đà phục hồi của nền kinh tế.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với khoảng 159.2 nghìn tỷ, tăng 163% svck, chiếm tỷ trọng 72%, lãi suất bình quân gia quyền là 5.5%/năm, kỳ hạn bình quân 4.3 năm. Các NH phát hành giá trị lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: ACB (23.8 nghìn tỷ đồng), MBBank (23.3 nghìn tỷ đồng), Techcombank (17 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát hành vốn cấp 2 nhằm đáp ứng nhu cầu cho vay. Tính từ đầu năm tới giữa tháng 7/24, tín dụng tăng 5.3%, cao hơn so với mức 4.5% cùng kỳ năm ngoái, tín dụng dự báo sẽ tăng tốc trong những tháng cuối năm theo sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất, xuất khẩu và dịch vụ.

Tổng giá trị phát hành của nhóm DN **Bất động sản** đạt 38.2 nghìn tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 là 60 nghìn tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 17%. Lãi suất bình quân gia quyền của trái phiếu bất động sản vẫn ở mức 12%/năm, kỳ hạn bình quân là 2.5 năm. Các DN phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: CTCP Vinhomes (12.5 nghìn tỷ đồng), Tập đoàn Vingroup (10 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH ĐT và PT BĐS Hải Đăng (5.4 nghìn tỷ đồng).

Hoạt động mua lại TPDN sụt giảm đáng kể so với tháng trước

Trong tháng 8, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng hơn 2.4 nghìn tỷ đồng, giảm 93% so với tháng trước, trong đó Ngân hàng chiếm 44%, nhóm BĐS chiếm 9%. Lũy kế từ đầu năm đến nay, khoảng hơn 110.3 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn, giảm 34% svck.

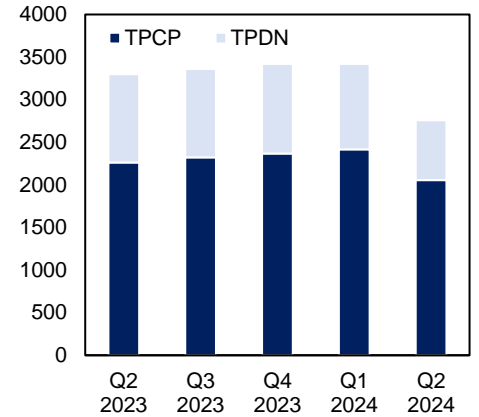
Tình hình chậm trả có những dấu hiệu tích cực

Từ đầu tháng tới ngày 20/8, chúng tôi chưa ghi nhận thêm doanh nghiệp mới nào công bố chậm các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến TPDN. Hiện tại, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 209.2 nghìn tỷ đồng, chiếm 30% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm ngành bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 68% giá trị chậm trả.

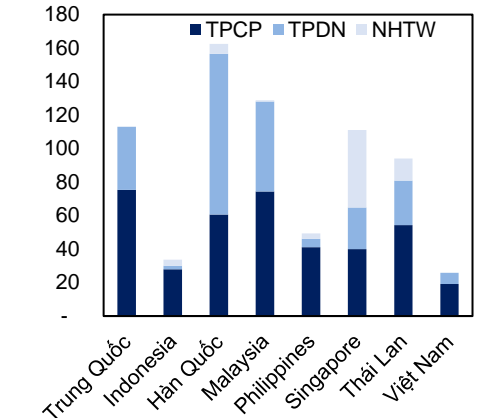
Áp lực đáo hạn TPDN nhẹ nhàng hơn trong những tháng cuối năm

Chúng tôi ước tính khoảng 49.4 nghìn và 34.6 nghìn tỷ đồng TPDN sẽ lần lượt đáo hạn trong Q3 và Q4, thấp hơn nhiều so với mức đỉnh năm nay là 69.1 nghìn tỷ đồng vào Q2.

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q2 2024)

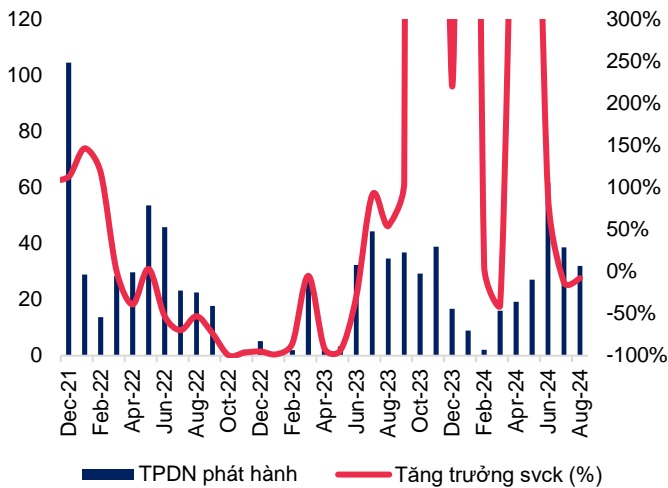


Chuyên viên phân tích

Đình Hà Anh

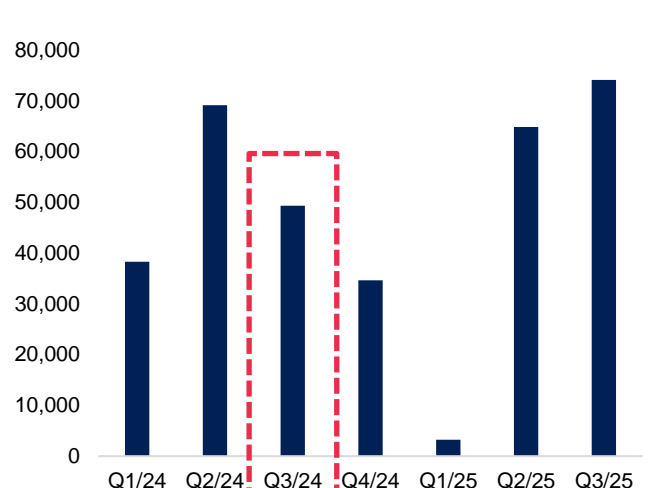
Anh.DinhHa@mbs.com.vn

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 20/8)



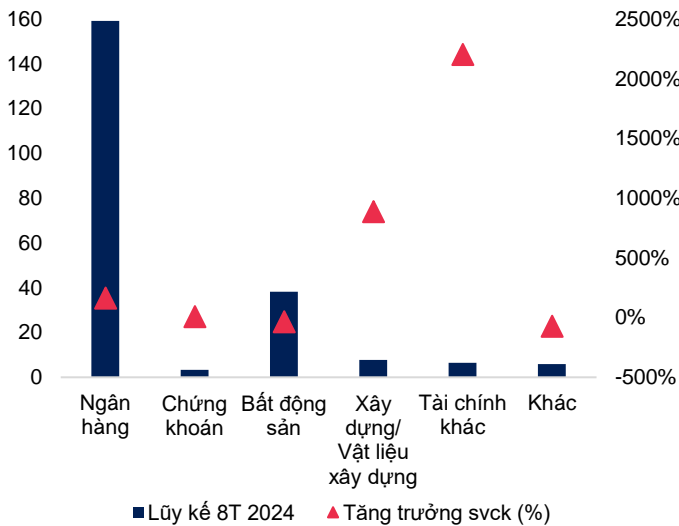
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



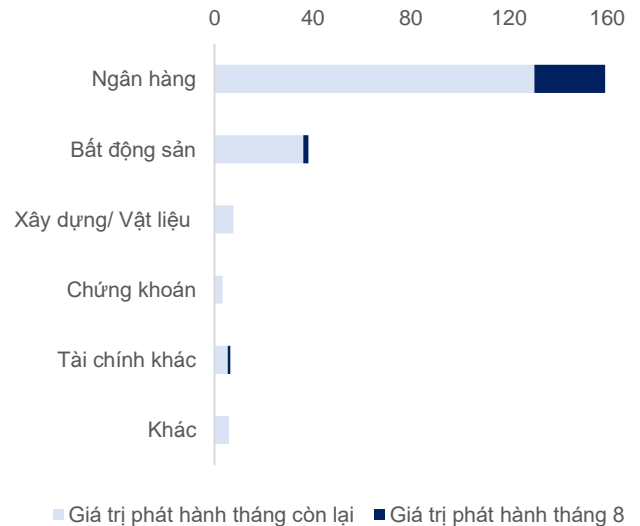
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



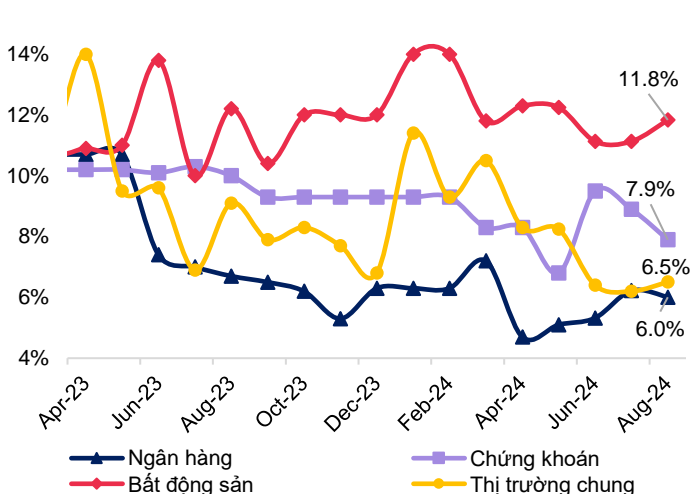
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ năm 2024 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



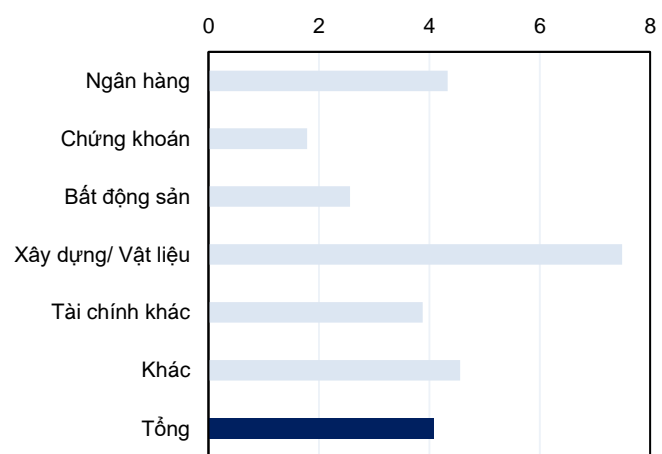
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân gia quyền của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



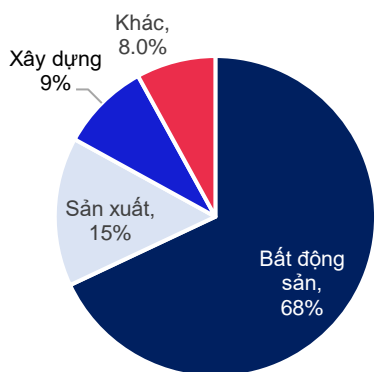
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2024 theo nhóm ngành (năm)



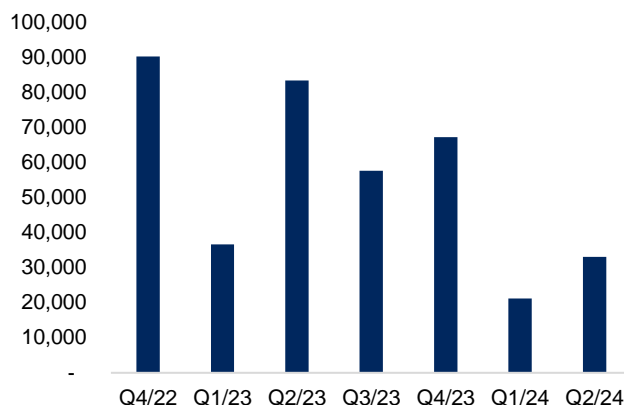
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 209.2 nghìn tỷ đồng Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 20/8)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 26,313 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu giảm nhẹ ở những kỳ hạn dài

Từ đầu tháng đến ngày 20/8, trong số 29,750 tỷ đồng trái phiếu được chào bán, có 26,313 tỷ đồng được huy động, tỷ lệ trúng thầu 88%, mức cao nhất kể từ tháng 2 năm nay cho thấy nhu cầu vay vốn trong thị trường đang hồi phục mạnh mẽ. Ngày 24/7, KBNN thông báo kế hoạch phát hành TPCP trong quý 3 với tổng mức phát hành dự kiến là 150 nghìn tỷ đồng. Trong đó, kỳ hạn 10N và 15N có lượng giá trị phát hành lớn nhất lần lượt là 55 nghìn và 65 nghìn tỷ đồng. Từ đầu năm tới nay, KBNN đã phát hành được tổng cộng 219,327 tỷ đồng TPCP, hoàn thành được 55% kế hoạch năm và quý 3 hoàn thành 42%. Riêng tại kỳ hạn 10 năm, KBNN đã chính thức hoàn thành kế hoạch cả năm khi đạt 119% kế hoạch phát hành tại giữa tháng 8.

Lợi suất trái phiếu trúng thầu giảm nhẹ trong kỳ ở những kỳ hạn dài. Trong đó, lãi suất kỳ hạn 10N và 15N lần lượt là 2.7%/năm và 2.9%/năm. Ở chiều ngược lại, lợi suất kỳ hạn 5N tăng nhẹ 5 điểm cơ bản lên mức 1.95%/năm.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2024 đến nay (tỷ đồng)

| Kỳ hạn | Kế hoạch KBNN 2024 | KBNN đã phát hành 2024 | % Kế hoạch KBNN 2024 |
|-------------|--------------------|------------------------|----------------------|
| 3 Năm | 30,000 | | |
| 5 Năm | 70,000 | 37,310 | 53% |
| 7 Năm | 15,000 | 400 | 3% |
| 10 Năm | 100,000 | 119,281 | 119% |
| 15 Năm | 140,000 | 52,359 | 37% |
| 20 Năm | 20,000 | 5,520 | 28% |
| 30 Năm | 25,000 | 4,457 | 18% |
| Tổng | 400,000 | 219,327 | 55% |

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 20/8/2024

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

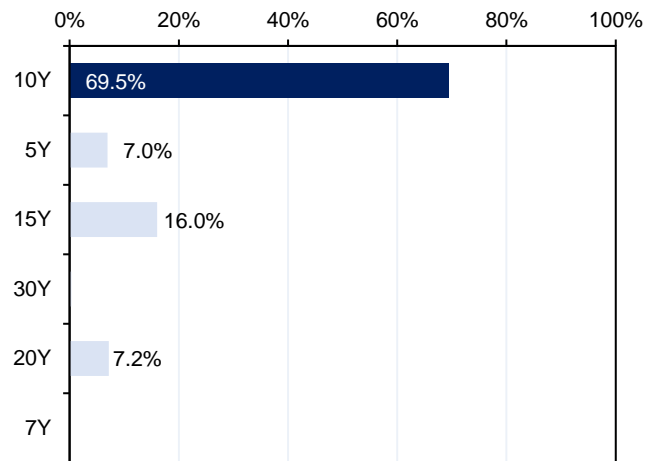
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T8/2024 (%)

| Kỳ hạn | Giá trị chào bán | Giá trị trúng thầu | Tỷ lệ trúng thầu | Lợi suất |
|-------------|------------------|--------------------|------------------|------------------------|
| 3N | | | | |
| 5N | 2,500 | 560 | 22% | 1.95% |
| 7N | | | | |
| 10N | 15,000 | 14,950 | 100% | 2.71% |
| 15N | 11,250 | 10,703 | 95% | 2.90% |
| 20N | 500 | 0 | 0% | 0.00% |
| 30N | 500 | 100 | 20% | 3.10% |
| Tổng | 29,750 | 26,313 | 88% | Đơn vị: tỷ đồng |

*Tính đến thời điểm 20/8/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

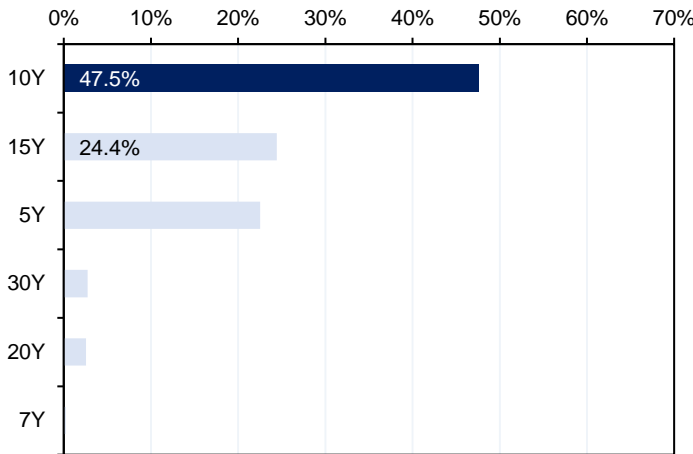
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T8/2024



*Tính đến thời điểm 20/8/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

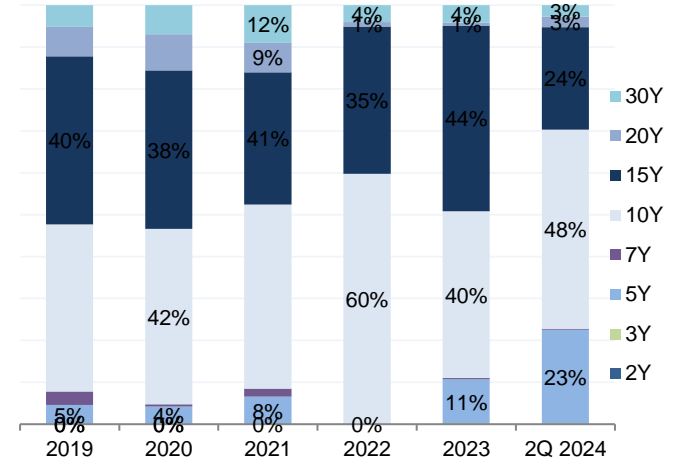
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2024



*Tính đến thời điểm 20/8/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 20/8/2024

| Thị Trường | Đóng cửa | Tuần trước* | Tháng trước* | 31/12/2023 |
|-----------------|-------------|--------------|--------------|-------------|
| Mỹ | 3.81 | -2.47 | -21.9 | -6.9 |
| EU | 2.22 | 3.50 | -8.9 | 19.1 |
| Nhật Bản | 0.89 | 6.30 | -17.1 | 27.1 |
| Trung Quốc | 2.18 | -0.45 | 3.5 | -37.9 |
| Hàn Quốc | 3.00 | 6.00 | -5.7 | -17.5 |
| Ấn Độ | 6.85 | -0.80 | -7.6 | -32.4 |
| Malaysia | 3.77 | 1.70 | 5.7 | 3.7 |
| Singapore | 2.78 | 2.13 | -12.0 | 8.1 |
| Indonesia | 6.61 | -13.74 | -29.0 | 13.3 |
| Philippines | 4.77 | -5.39 | -22.3 | 7.3 |
| Thái Lan | 2.57 | -2.75 | -4.6 | -18.1 |
| Việt Nam | 2.72 | -0.20 | -7.5 | 48.3 |

* Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

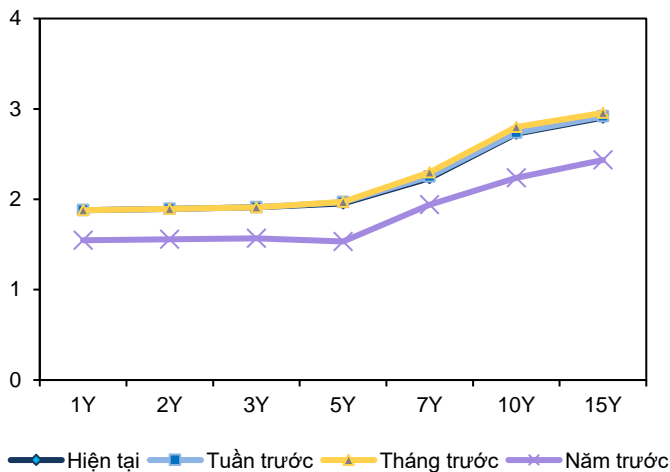
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP có xu hướng giảm nhẹ trong tháng tại hầu hết các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 12.1% so với tháng trước. NĐTNN quay trở lại mua ròng với giá trị lên đến hơn 918 tỷ đồng TPCP trong tháng.

Đường cong lợi suất có xu hướng phẳng dần khi lợi suất kỳ hạn 10N tháng này tiếp tục xu hướng giảm đều và hiện tại đang ở mức 2.7%/năm, giảm 50 điểm cơ bản so với cuối tháng trước. Lợi suất kỳ hạn 2N tiếp tục giữ ở mức 1.9%/năm, không thay đổi so với cuối tháng trước.

Giao dịch trên thị trường TPCP thứ cấp nhìn chung khá ảm đạm với lượng giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 10 nghìn tỷ đồng, giảm 12.1% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch outright chiếm 57% khối lượng trong kỳ với gần 80 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch 5.7 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 9.8% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch repos bình quân giảm 14.9% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt 4.4 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại mua ròng 918 tỷ đồng TPCP trong kỳ. Tính đến ngày 20/8, kể từ đầu năm, NĐTNN đã mua ròng khoảng 511.8 tỷ đồng trong năm nay.

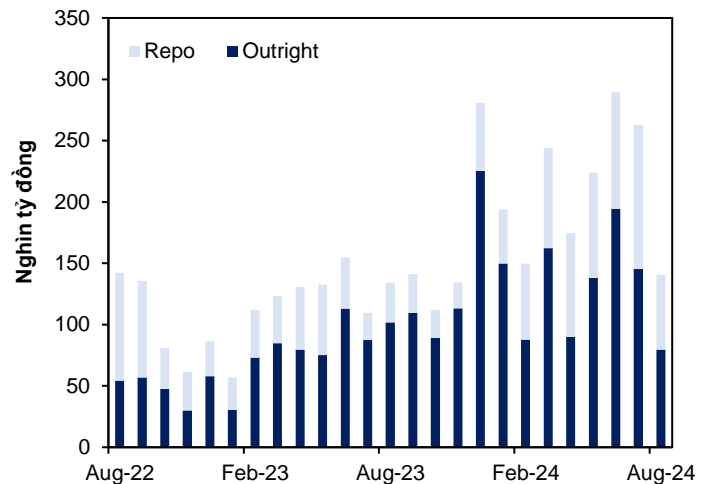
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 20/8

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

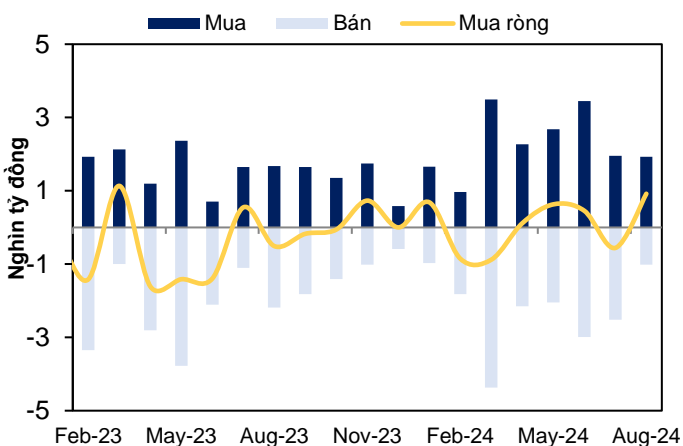
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 20/8

Nguồn: HNX, MBS Research

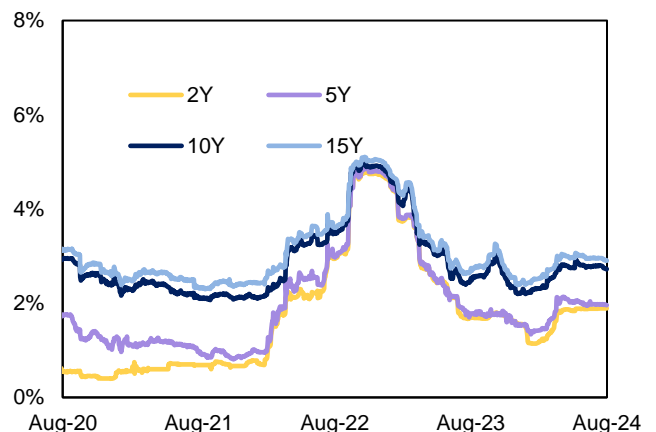
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 20/8

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 20/8

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2024

| Tổ chức phát hành | Kỳ hạn (năm) | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất (%/năm) |
|--|--------------|-------------------|------------------|
| Ngân hàng TMCP Á Châu | 2-5 | 23,840 | 4.5%-6.1% |
| Ngân hàng TMCP MB | 2-10 | 23,301.8 | 5.45%-6.8% |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 3 | 17,000 | 3.7%-5.4% |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) | 2-8 | 9,700 | 5.7%-7.8% |
| CTCP Vinhomes | 2-3 | 12,500 | 12.0% |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông | 2-3 | 11,800 | 4.9%-5.6% |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 6-20 | 11,400 | 5.78%-6.5% |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn (Agribank) | 10 | 10,000 | 6.68% |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | 2-3 | 10,000 | 12.5%-15.0% |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 3-10 | 7,265.3 | 5.1%-6.68% |

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2024

| Tổ chức phát hành | Kỳ hạn (năm) | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất (%/năm) |
|--|--------------|-------------------|------------------|
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | 2-3 | 10,000 | 12.5%-15.0% |
| Công ty TNHH Khu đô thị mới Trung Minh | 5 | 1,100 | 12.5% |
| CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land | 5 | 250 | 12.5% |
| CTCP Vinhomes | 2-3 | 12,500 | 12.0% |
| Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thiên Hà – Bằng Dương | 4 | 600 | 12.0% |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp | 5 | 2,300 | 12.0% |
| Công ty TNHH Hoàng Trúc My | 5 | 1,000 | 12.0% |
| CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát | 4 | 412 | 12.0% |
| CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn | 2 | 1,890 | 12.0% |
| CTCP Kinh doanh F88 | 1 | 100 | 11.5% |

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 7 và tháng 8

| Mã CK | Tổ chức phát hành | Tháng phát hành | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất (%/năm) | Kỳ hạn (tháng) |
|-------|---|-----------------|-------------------|------------------|----------------|
| | CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát | 07/2024 | 412 | 12.0% | 48 |
| CII | CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 07/2024 | 300 | 9.95% | 36 |
| | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Đăng | 07/2024 | 2,850 | 9.8% | 18 |
| PSI | CTCP Chứng khoán Dầu Khí | 07/2024 | 20 | 8.9% | 18 |
| | CTCP Chứng khoán Kỹ Thương | 07/2024 | 500 | 7.92% | 18 |
| NAB | Ngân hàng TMCP Nam Á | 07/2024 | 1,200 | 5.8%-7.7% | 36-72 |
| HDB | NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK) | 07/2024 | 6,200 | 5.7%-7.47% | 36-96 |
| CTG | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 07/2024 | 4,950 | 5.88%-6.5% | 96-180 |
| SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | 07/2024 | 3,000 | 6.0%-6.3% | 36 |
| ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu | 07/2024 | 1,570 | 6.0%-6.1% | 36-60 |
| MBB | Ngân hàng TMCP MB | 07/2024 | 10,395 | 5.45%-6.08% | 24-72 |
| BID | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 07/2024 | 3,255 | 5.78%-5.88% | 84-96 |
| VIB | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 07/2024 | 2,000 | 5.8% | 36 |
| OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông | 07/2024 | 1,500 | 5.2%-5.4% | 36 |
| | CTCP Phát triển Khu công nghệ thông tin Đà Nẵng | 07/2024 | 500 | 0% | 30 |
| | CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn | 08/2024 | 1,890 | 12.0% | 24 |
| BCM | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp | 08/2024 | 200 | 10.5% | 36 |

| Mã CK | Tổ chức phát hành | Tháng phát hành | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất (%/năm) | Kỳ hạn (tháng) |
|-------|--|-----------------|-------------------|------------------|----------------|
| IPA | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A | 08/2024 | 1,096 | 9.5% | 60 |
| | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) | 08/2024 | 10,000 | 6.68% | 120 |
| TPB | Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 08/2024 | 64,5 | 6.68% | 120 |
| CTG | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 08/2024 | 250 | 5.88%-6.5% | 96-180 |
| SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | 08/2024 | 2,000 | 6.3% | 36 |
| NAB | Ngân hàng TMCP Nam Á | 08/2024 | 500 | 5.8% | 36 |
| HDB | NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK) | 08/2024 | 2,000 | 5.7% | 24 |
| OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông | 08/2024 | 5,000 | 5.6% | 24-36 |
| BID | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 08/2024 | 1,000 | 5.58% | 72 |
| VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 08/2024 | 4,000 | 5.5% | 36 |
| MBB | Ngân hàng TMCP Quân Đội | 08/2024 | 4,000 | 5.45% | 36 |

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

| | |
|--------------|---|
| KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên |
| TRUNG LẬP | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15% |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15% |

Khuyến nghị đầu tư ngành

| | |
|--------------|---|
| KHẢ QUAN | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |
| TRUNG LẬP | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |
| KÉM KHẢ QUAN | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Nguyễn Đức Hải

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Nguyễn Minh Trí

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly